

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 16/3/2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Sang

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Phú;

Ông Nguyễn Thiện Hoàn;

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Thanh Thúy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 489/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1989.

Cư trú: Tổ 02, ấp K, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Minh E, sinh năm: 1988.

Cư trú: Tổ 13, ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

*(Bà S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông E vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 16/12/2020 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị S trình bày: Hôn nhân của bà với ông Lê Minh E do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 21/9/2009 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn ông E lên Đồng Nai làm thuê, bà thì ở nhà, sau này bà sinh cháu D xong bà định lên Đồng Nai làm thuê thì ông E không đồng ý nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hợp, ông E không quan tâm bà và con chung nên mâu thuẫn này càng trầm trọng. Từ đó, tình cảm vợ chồng không còn nên sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông E.

Về con chung: Có 02 con chung tên: 1/ Lê Minh T, sinh ngày 09/9/2008; 2/ Lê

Thị Thùy D, sinh ngày 11/6/2011, cháu T hiện nay đang sống chung với ông E, còn cháu D đang sống với bà. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu T lại cho ông E nuôi dạy, bà yêu cầu được nuôi dạy cháu D, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận nhưng bà S thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Để đảm bảo quyền lợi của ông E Tòa án tiến hành ghi lời khai của ông nhưng khi đến nhà thì ông E đi vắng không tiến hành ghi lời khai được.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn cụ thể:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/01/2021, được bà M cho biết: Bà là mẹ ruột của bà S: Hôn nhân giữa bà S và ông E do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Bà S và ông E đã sống ly thân khoảng 5 năm. Do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống không hợp, ông E không quan tâm vợ con nên tình cảm giữa bà S và ông E không còn nữa. Theo bà thì tình cảm vợ chồng giữa bà S và ông E không thể hàn gắn. Về con chung: Có 02 con chung như bà S trình bày, cháu T đang sống chung với ông E, còn cháu D đang sống với bà S. Về tài sản chung, nợ chung bà không biết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/01/2021, được ông Lê Văn Đ cho biết: Ông E và bà S chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bà S tự ý bỏ nhà đi cho tới nay không rõ nguyên nhân. Ông E và bà S có 02 con chung tên T và D như S trình bày, cháu D đang sống với bà S, cháu T đang sống với ông E. Tài sản chung và nợ ông không biết. Việc ly hôn giữa ông E và bà S tùy Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 29/01/2021 được ban ấp P, xã Đa P cho biết hiện ông E vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang do ông E làm chủ hộ.

Cháu Lê Thị Thùy D cho biết: Hiện cháu đang sống với bà S, cuộc sống của cháu rất tốt và được ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác. Nếu cha mẹ ly hôn, cháu xin được tiếp tục sống với mẹ.

Bà S vẫn bảo lưu ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông E theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của ông E và bà S đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung tên: 1/ Lê Minh T, sinh ngày 09/9/2008; 2/ Lê Thị Thùy D, sinh ngày 11/6/2011, cháu T hiện nay đang sống chung với ông E, còn cháu D đang sống với bà S. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của các cháu sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S, giao cháu D cho bà S được tiếp tục nuôi dạy. Ông E được tiếp tục nuôi dạy cháu T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà S không yêu cầu nên đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện của bà S. Riêng ông E không ghi nhận được ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do bà S không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu , chứng cứ có trong hồ sơ vụ án , đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh E. Ông E có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông E được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông E theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà S và ông E có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà S ly hôn với ông E: Trong đời sống hôn nhân thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không hòa hợp tính tình, ông E không quan tâm vợ con nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà S và ông E sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Điều này phù hợp với lời khai của ông Đ và bà M.

Qua hòa giải, bà S vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông, còn ông E đã được tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải nhưng vẫn không đến tham gia hòa giải. Cho thấy, mục đích hôn nhân giữa bà S và ông E không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên: 1/ Lê Minh T, sinh ngày 09/9/2008; 2/ Lê Thị Thùy D, sinh ngày 11/6/2011, cháu T hiện nay đang sống chung với ông E, còn cháu D đang sống với bà S. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của các cháu sau này được tốt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S, giao cháu D cho bà S được tiếp tục nuôi dạy. Ông E được tiếp tục nuôi dạy cháu T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà S không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi cháu D nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà S. Riêng ông E vắng mặt, Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông E về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu T nên không đề cập xem xét, nếu ông E có yêu cầu về mức cấp dưỡng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết:

Bà S và ông E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định. Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Lê Minh E.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 139 ngày 21/9/2009 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà S được tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 11/6/2011. Ông Lê Minh E được tiếp tục nuôi cháu Lê Minh T, sinh ngày 09/9/2008.

Công nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi cháu D. Bà S không phải cấp dưỡng nuôi cháu T.

Bà S và ông E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định. Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0006855 ngày 22/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

*(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện A (2);
- Chi cục THADS huyện A (1);
- Lưu văn phòng (1);
- Các đương sự;
- UBND xã Đ (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Sang**